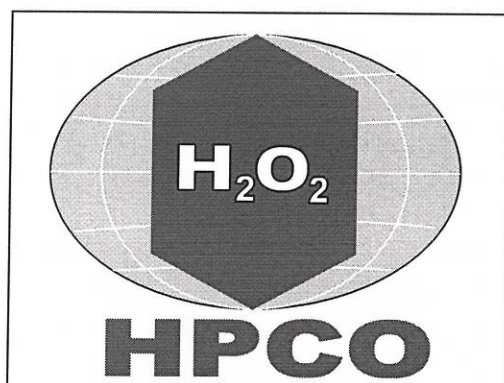


CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024

Bắc Giang – 2025

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát:**

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
Tên tiếng Anh:	HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	HPCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp:	Số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 7 ngày 13/01/2025.
Vốn điều lệ:	84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	8.400.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính:	Tổ dân phố Hòa Yên, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Số điện thoại:	0204 3526 066
Số fax:	0204 3526 066
Website:	http://hungphathabac.com.vn
Mã chứng khoán:	HPH

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000297 ngày 01/02/2008 thay đổi lần 7 ngày 13/01/2025 với mức vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng.

Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập, trong đó Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc) nắm cổ phần chi phối. Mục tiêu thành lập và hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư sản xuất và cung cấp Hydrogen Peroxide có

công thức hóa học là H_2O_2 , còn gọi là ô xy già sử dụng rộng rãi trong công nghiệp sản xuất giấy, dệt, điện tử, xử lý môi trường,...Sau hơn 15 năm thành lập, đến nay sản phẩm ô xy già của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã tạo lập thương hiệu trên thị trường với hệ thống các nhà phân phối được hình thành rộng khắp cả nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1 . Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh Ôxy già (H_2O_2) và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 7 ngày 13/01/2025.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Biên Hòa, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Định...

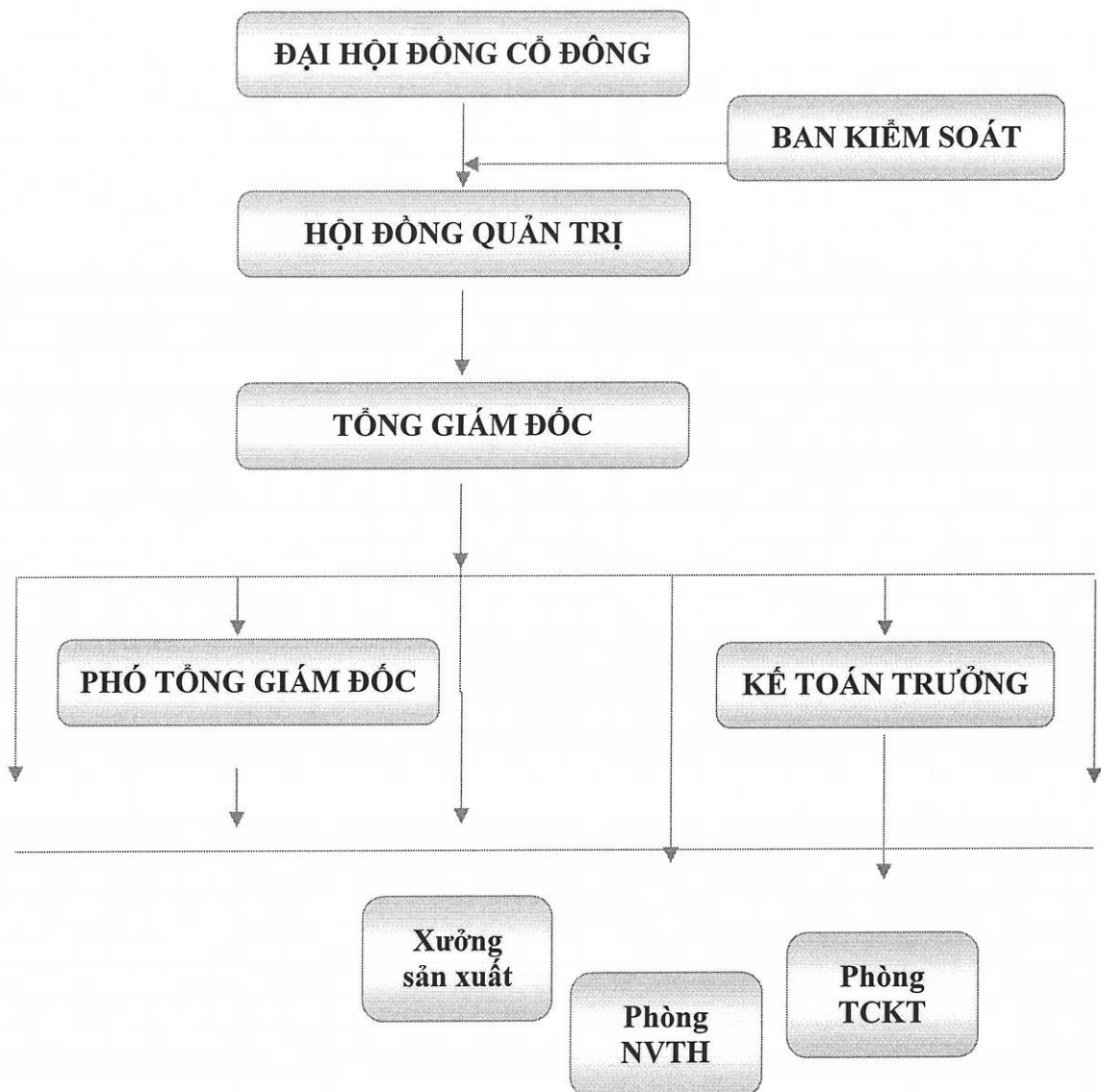
Miền Bắc: Thành Phố Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Hải Phòng, Thái Nguyên...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc thiết lập cơ cấu tổ chức và quản trị theo mô hình công ty cổ phần, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, quyết định phương thức hoạt động, vốn điều lệ, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ...

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người, trong đó có 01 thành viên điều hành và 04 thành viên không điều hành. Hội đồng quản trị thực hiện quản lý Công ty và đảm bảo hoạt động của Công ty theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty có 03 người, trong đó có 01 người làm Trưởng ban. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Hoạt động theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

4.4. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc, được Tổng giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được phân công và ủy quyền.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người trực tiếp tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan tới công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty.

4.5. Các phòng chuyên môn thuộc Công ty và Xưởng sản xuất***Phòng Nghiệp vụ tổng hợp***

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Quản lý Kế hoạch, Vật tư và Đầu tư; Tổ chức, quản lý lao động tiền lương và giải quyết các chế độ cho người lao động, Hành chính quản trị, Bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ; công tác tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường.

Phòng Tài chính – Kế toán

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực Tài chính - Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện những công việc nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.

Xưởng sản xuất

Chức năng: Xưởng sản xuất H₂O₂ là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có chức năng tiếp nhận nguyên vật liệu, năng lượng, quản lý nhân sự và vận hành thiết bị của dây chuyền để sản xuất sản phẩm H₂O₂ theo kế hoạch đã được Tổng giám đốc công ty phê duyệt.

➤ **Danh sách công ty mẹ của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có.

➤ **Danh sách công ty con của CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có.

➤ **Danh sách những công ty mà CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có.

➤ **Danh sách những công ty, cá nhân nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:**

Tên	Địa chỉ	Số CMND/CC CD	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ cổ phần
Trương Thị Lan Anh	Vinhomes Riverside	013179956	4.600.000	54,76%

5. Định hướng phát triển:

➤ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa thương hiệu Công ty Hưng Phát Hà Bắc, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất lượng, về quy mô trong toàn Công ty, nâng cao năng suất sản xuất,...
- Xây dựng Công ty Hưng Phát trở thành một công ty mạnh, có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hoá cao theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, khai thác tối ưu nguồn lực hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường.
- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý; làm chủ thiết bị công nghệ để phát triển trở thành doanh nghiệp có thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực Ôxy già.
- Duy trì hệ thống nhà phân phối hiện tại, tiếp cận mở rộng thêm các khách hàng tiêu dùng trực tiếp. Xúc tiến chào hàng và hỗ trợ các nhà phân phối tiếp cận để bán hàng, tập trung tiêu thụ khu vực phía Bắc và nâng dần tỷ trọng Ôxy già nồng độ loãng. Đẩy mạnh kinh doanh sản phẩm NH₃.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định. Thực hiện chương trình cải tiến thiết bị, công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nhằm sản xuất sạch hơn.

Mang lại giá trị thặng dư cao nhất cho Cổ đông, tạo lập cuộc sống ấm no cho Người lao động và góp phần làm tăng tổng giá trị thặng dư cho xã hội.

6. Các rủi ro:

Rủi ro đặc thù

Nguyên liệu chính để sản xuất ô xy già của Công ty là khí Hydro (H₂) từ quá trình tổng hợp Amoniac của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, đây là một thế mạnh của Công ty nhưng cũng là một rủi ro đặc thù vì nếu Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc ngừng máy sửa chữa hoặc khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất thì Dây chuyền sản xuất ô xy già của Công ty sẽ phải ngừng hoạt động do không có nguồn khí tinh luyện (H₂) cung cấp cho sản xuất.

Rủi ro về cạnh tranh và thị trường

Việc vấp phải sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt và trực tiếp, đặc biệt đến từ Ô xy già nhập khẩu dẫn đến rủi ro kinh doanh liên quan đến thị phần của Công ty nếu chính sách bán hàng không kịp thời điều chỉnh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Sản xuất tương đối ổn định, phát huy hiệu quả vận hành xúc tác thời kỳ đầu cùng một số điều chỉnh công nghệ nên sản lượng bình quân đạt 35 ÷ 36 tấn / ngày. Đặc biệt quý IV đạt sản lượng gần 3.300 tấn cao nhất trong các thời kỳ, góp phần giảm lỗ lũy kế.

- Thực hiện hạng mục cải tạo Tháp chiết theo kế hoạch, sau khi cải tạo đưa vào vận hành đã nâng được nồng độ chiết xuất và hạ thấp chiết dư góp phần nâng cao được sản lượng sản phẩm loãng và năng suất cô đặc, đảm bảo cân bằng sản xuất sản phẩm loãng và đặc, ổn định công nghệ.

- Điện lưới quốc gia vào mùa mưa bão không ổn định, vẫn gây nhiều lần ngừng máy ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả và phương thức sản xuất của Công ty. Tuy nhiên so với việc cấp điện của Đạm thì đã có cải thiện đáng kể

- Giá mua nguyên liệu từ Công ty Đạm Hà Bắc duy trì ở mức cao, làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm vẫn gặp nhiều khó khăn, giá bán thấp, hàng nhập khẩu về nhiều.

- Đã triển khai xuất bán sang Lào (tháng 7 và tháng 8) triển khai tiêu thụ hàng vào phía Nam đảm bảo đủ bù đắp chi phí.

- Đã triển khai bán NH₃ bằng xe xitec công ty đầu tư, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Kết quả SX – KD của Công ty năm 2024 lỗ 4,84 tỷ đồng, giảm lãi 11,7 tỷ đồng so với kế hoạch ĐHCĐ thông qua và giảm 11 tỷ đồng so với thực hiện năm 2023.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	So với (%)	
					KH năm	TH 2021
*	Thời gian sản xuất	Ngày	308	301,6	97,9	103,3
I	Sản lượng sản xuất					
	H ₂ O ₂ quy nồng độ 50%	tấn	10.810	11.001,5	101,8	109,2
II	Sản lượng tiêu thụ					
	H ₂ O ₂ quy nồng độ 50%	tấn	10.810	11.469,7	106,1	117,5
	NH ₃ lỏng	tấn		1.176		
	Sản phẩm Khác	tấn		56,7		
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ		2.045.798		
IV	Giá trị tổng sản lượng	1000đ	77.832.000	79.210.800	101,8	109,2
V	Lao động tiền lương					
	Tổng số lao động BQ năm	người	59	59	100	100
VI	Tổng doanh thu	1000 đ	97.290.000	110.357.604	133	143,2
VII	Lợi nhuận trước thuế	1000 đ	6.861.556	(4.846.464)	-70,6	-61,5

2. Tổ chức và nhân sự:

(1) Nguyễn Thế Hùng – Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thế Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/4/1968
Nơi sinh	Huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	015068000734
Ngày cấp/Ngày hết hạn	25/04/2021-10/04/2028.

Nơi cấp	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 68 đường Cô Giang, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư chế tạo máy
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(2) Ông Hà Văn Hùng – Phó tổng giám đốc

Họ và tên	Hà Văn Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	25/10/1992
Nơi sinh	Thôn Thái Đào, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	024092002838
Ngày cấp/Ngày hết hạn	01/09/2021
Nơi cấp	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thôn Thái Đào, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(3) Bà Thân Thị Hà – Kế toán trưởng

Họ và tên	Thân Thị Hà
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	05/02/1984

Nơi sinh	Xóm Chiền, Xã Nội Hoàng, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	024184018195
Ngày cấp/Ngày hết hạn	29/04/2024-05/02/2044.
Nơi cấp	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 73, QL1A, Phường Tân Mỹ, TP Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(4) Ông Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp:

Họ và tên	Nguyễn Văn Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/9/1971
Nơi sinh	Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	034071016781
Ngày cấp/Ngày hết hạn	12/12/2008
Nơi cấp	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 62- TDP Phú Mỹ 3- Phường Dĩnh Kế -TP Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hóa
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(5) Ông Hoàng Văn Hùng - Giám đốc Xưởng sản xuất:

Họ và tên	Hoàng Văn Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/3/1967
Nơi sinh	Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, T. Bắc Giang
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	024067000419
Ngày cấp/Ngày hết hạn	14/04/2021
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 125- Đường 398- Tân Mỹ - TP Bắc Giang – T.Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ hóa học
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ông Nguyễn Tổng Luận có quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty số 158/QĐ-HĐQT ngày 01/07/2024.

Ông Nguyễn Thế Hùng được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc công ty theo Quyết định bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty số 156/QĐ-HĐQT ngày 01/07/2024.

➤ Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2024 là 59 người (trong đó có 3 người quản lý). Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi thăm hỏi động viên người lao động một

cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống,... Các Tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên của Công ty cũng luôn được quan tâm xây dựng và không ngừng phát triển.

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không có

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm năm 2024 so với 2023
1. Tổng tài sản (cuối kỳ)	124.430.772.764	106.657.529.058	-14,28
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	99.303.182.264	110.357.604.231	11,13
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.276.018.360	-4.316.428.991	-135,16
4. Lợi nhuận khác	-4.390.211.080	-530.036.348	-87,93
5. Lợi nhuận trước thuế	7.885.807.280	-4.846.465.339	-161,46
6. Lợi nhuận sau thuế	6.234.752.233	-4.846.465.339	-177,73
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	742	(577)	-177,73

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2023	2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,20	2,69
- Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,68	1,69

[(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,19	0,10
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,23	0,11

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	9,07	12,86
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,80	0,94

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

- Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,06	-0,05
- Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	0,06	-0,05
- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,05	-0,045
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	0,12	-0,04

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**5.1 Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.400.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông:

➤ Tính đến ngày 08/07/2024 (ngày chốt danh sách Cổ đông thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), cơ cấu vốn cổ đông Công ty như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	781	8.400.000	84.000.000	100
1. Cổ đông tổ chức	4	1.080.000	10.800.000	12,86
2. Cổ đông cá nhân	777	7.320.000	73.200.000	87,14
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm không tăng hoặc giảm vốn cổ phần.

5.5 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có**5.5 Các chứng khoán khác: Không có****III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2024 hoạt động SXKD gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của HĐQT, Ban lãnh đạo công ty cùng sự đồng lòng nỗ lực của toàn thể NLĐ, Công ty đã tổ chức duy trì sản xuất đạt kết quả, đẩy mạnh kinh doanh sản phẩm NH₃ lỏng. Thực hiện tốt công tác sửa chữa máy móc thiết bị đảm bảo cho sản xuất, các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất và tiêu thụ quy đổi về sản phẩm H₂O₂ nồng độ 50% đều vượt kế hoạch năm.

2. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: triệu đồng			
	01/01/2024	31/12/2024	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	124.431	106.657	-17.774	-17,22%
- Tài sản ngắn hạn	27.984	28.462	478	1,71%
- Tài sản dài hạn	96.447	78.195	-18.252	-18,92%
Nguồn vốn	124.431	106.657	-17.774	-59,65%
- Nợ phải trả	23.354	10.577	-12.777	-54,71%
- Vốn chủ sở hữu	101.077	96.080	-4.997	-4,94%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Công ty áp dụng hệ thống quản lý đơn giản hóa về các thủ tục hành chính cho nội bộ Công ty cũng như khách hàng, công việc được thực hiện bằng các quy định cụ thể. Đồng thời, Công ty cũng đã thực hiện kiện toàn quy định, quy chế làm việc, củng cố đội ngũ cán bộ, nhân viên, đầu tư trang thiết bị làm việc để nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc.

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chế độ chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2024 hoạt động SXKD của Công ty còn gặp nhiều khó khăn về quỹ thời gian cho sản xuất và thị trường tiêu thụ. Vì vậy, Công ty cần phát huy những mặt đã làm được trong năm vừa qua, khắc phục tốt những tồn tại hạn chế và nỗ lực hết mình, đồng thời luôn chủ động và thích ứng phù hợp với hoàn cảnh thay đổi để đem lại hiệu quả tổng thể cao nhất, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2025.

Để hoàn thành mục tiêu chung năm 2025, cần tập trung triển khai vào các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

- Khai thác tốt năng lực sản xuất của xúc tác, vận hành tối ưu các điều kiện công nghệ nâng cao năng suất của hệ thống. Tận dụng tối đa quỹ thời gian khi Công ty Đạm sản xuất bình thường để duy trì sản xuất đạt sản lượng cao nhất.

- Cân đối lượng hàng sản xuất và tiêu thụ nhằm giữ ổn định và phát triển thị phần miền Bắc. Linh hoạt giá bán và lượng tiêu thụ miền Trung và miền Nam đảm bảo hiệu quả tối ưu hiệu quả, cân bằng sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Cập nhật thông tin về nhập khẩu Ôxy già để có chính sách giá bán phù hợp, linh hoạt để phát huy được lợi thế của Công ty, tăng sức cạnh tranh trên thị trường nhằm tăng sản lượng tiêu thụ mang lại hiệu quả cho công ty.

- Ưu tiên phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm loãng, đáp ứng đủ nhu cầu sản phẩm loãng cho thị trường.

- Đẩy mạnh kinh doanh NH_3 và nước NH_4OH , đưa 04 kho cầu vào khai thác.

- Triển khai thực hiện dự án xây dựng dây chuyền sản xuất CO_2 tinh khiết, tiếp tục hoàn thành các thủ tục có liên quan, phấn đấu đưa dây chuyền vào hoạt động nhằm đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đảm bảo vật tư, hoá chất kịp thời cho sản xuất. Cân đối vật tư cho sản xuất với lượng tồn kho nhằm giảm chi phí lãi vay vốn lưu động. Kiểm soát giá mua vật tư theo đúng quy định mua vật tư của Công ty.

- Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động và nội quy của Công ty, xử lý nghiêm khắc với các trường hợp vi phạm. Tăng cường công tác vệ sinh công nghiệp, an toàn, môi trường sản xuất.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có giải trình vì không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Xem chi tiết ở phục lục đính kèm (Báo cáo của Hội đồng quản trị)

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: HĐQT gồm 5 người trong đó có 4 thành viên không điều hành. Không có thành viên HĐQT độc lập.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cá nhân cuối kỳ
1	Trương Xuân Hoàng	- Chủ tịch HĐQT	
2	Nguyễn Tổng Luận	- Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	0,04%

3	Nguyễn Minh Hoà	- Thành viên HĐQT	
4	Kiều Anh Tuấn	- Thành viên HĐQT	
5	Hà Văn Hùng	- Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc	

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Các thành viên HĐQT không điều hành đã làm đúng chức năng của mình.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cá nhân cuối kỳ
1	Nguyễn Thuý Nguyên	- Trưởng BKS	
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	- Thành viên BKS	
3	Dương Thị Trang	- Thành viên BKS	

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Xem phụ lục đính kèm (Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Chủ tịch HĐQT thù lao là: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT thù lao là: 3.700.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát thù lao là: 3.700.000 đồng/tháng
- Thư ký HĐQT thù lao là: 1.500.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS thù lao là: 2.700.000 đồng/tháng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo thông tư số Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính.

VI. Báo cáo tài chính:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Nơi nhận:

- UBCKNN; SGDCKHN;
- Lưu: P.TCKT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Hùng

Bắc Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
về công tác quản trị và kết quả hoạt động năm 2024,
định hướng năm 2025**

Hội đồng quản trị báo cáo về công tác quản trị và kết quả hoạt động năm 2024, định hướng năm 2025 như sau:

I- VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024.

A. Tình hình chung.

- Sản xuất tương đối ổn định, thực hiện hạng mục cải tạo tháp chiết theo kế hoạch, sau khi cải tạo đưa vào vận hành đã nâng được nồng độ chiết xuất và hạ thấp chiết dư góp phần nâng cao được sản lượng sản phẩm loãng và năng suất cô đặc, đảm bảo cân bằng sản xuất sản phẩm loãng và đặc, ổn định công nghệ, sản xuất vượt công suất thiết kế và là năm có sản lượng cao nhất từ trước đến nay.

- Giá mua nguyên liệu từ Công ty Đạm Hà Bắc duy trì ở mức cao, làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tháng 4/2024 phải ngừng máy dài ngày do Công ty Đạm Hà Bắc sự cố ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch sản lượng và gia tăng chi phí sản xuất.

- Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Hội đồng quản trị Công ty đã có chỉ đạo ban điều hành và sửa đổi các quy chế phù hợp để hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra.

B. Công tác chỉ đạo điều hành và giám sát:

Năm 2024, thực hiện theo Điều lệ Công ty và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, HĐQT đã triển khai các công việc sau:

1. Thông qua các Nghị quyết/ Quyết định như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	48/QĐ-HĐQT	04/3/2024	Quyết định v/v ban hành kế hoạch tổ chức ĐH và thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024
2	147/QĐ-HPCO	26/4/2024	QĐ phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024
3	140/QĐ-HPCO	17/6/2024	QĐ của HĐQT về việc giao dịch với người có liên quan
4	156/QĐ-HĐQT	01/7/2024	QĐ bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty – Ông Nguyễn Thế Hùng

5	158/QĐ-HĐQT	01/7/2024	QĐ miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty – Ông Nguyễn Tổng Luận
6	159/QĐ-HĐQT	01/7/2024	QĐ thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty
7	196/QĐ-HPCO	20/7/2024	QĐ thành lập Ban kiểm phiếu và ban giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến
8	294/QĐ-HĐQT	26/11/2024	QĐ cử đoàn cán bộ đi công tác Trung Quốc
9	296/QĐ-HĐQT	12/12/2024	QĐ lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024
10	305/QĐ-HPCO	27/11/2024	QĐ phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và người quản lý Công ty năm 2024.
11	03/NQ-HĐQT	17/6/2024	Nghị quyết phiên họp lần 03 -năm 2024 của HĐQT Công ty.
12	04/NQ-HĐQT	26/6/2024	Nghị quyết thông qua việc triển khai lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
13	05/NQ-HĐQT	01/7/2024	Nghị quyết phiên họp lần 05- năm 2024 của HĐQT Công ty.
14	246/NQ-HĐQT	07/10/2024	Nghị quyết triển khai phương án chào bán cổ phiếu
15	250/NQ-HĐQT	07/10/2024	Nghị quyết thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu
16	06/NQ-HĐQT	27/11/2024	Nghị quyết HĐQT ngày 27/11/2024

PHỤ M.S.D.

2. Kết quả công tác chỉ đạo:

Trong năm 2024, công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT luôn luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty.

3. Kết quả công tác giám sát

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được duy trì thường xuyên. Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến công tác điều hành của Tổng giám đốc Công ty. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị như sau:

a) Đối với Ban Tổng giám đốc Công ty:

Năm 2024, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy

định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết vượt qua khó khăn, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách về lao động, tài chính, thị trường hợp lý, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

b) Đối với cán bộ quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc:

- Lãnh đạo các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; các nhiệm vụ do Tổng giám đốc Công ty triển khai được các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất thực hiện kịp thời.

- Tập thể người lao động trong Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào kết quả chung của Công ty.

C. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Một số chỉ tiêu chính:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2024	Thực hiện năm 2024	So với (%) KH năm
1	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	77	79,211	
2	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	Tấn	10.810	11.001,53	101,8
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	10.810	11.469,71	106,1
4	Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	92,966	93,315	100,4
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		- 4,84	

LAO ĐỘNG
CỘNG ĐỒNG
HÓA LƯƠNG
HÀ
GIANG

D. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành.

- HĐQT, Tổng giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành luôn tuân thủ nghiêm túc Điều lệ Công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty. Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo HĐQT Công ty.

- HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, khi cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

- HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ.

- HĐQT tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung: báo cáo thực hiện hoạt động SX-KD, phương hướng nhiệm vụ, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.

- Năm 2024, kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi, vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, quy chế hoạt động của Công ty quy định.

E. Về thù lao HĐQT:

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị được Công ty chi trả thù lao theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 60.000.000 đồng.

- Thành viên HĐQT:

3.700.000 đồng/người/tháng x 04 người x 12 tháng = 177.600.000 đồng.

Tổng mức thù lao của HĐQT: 237.600.000 đồng/năm.

II- ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025
1	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	79,3
2	Sản lượng sản xuất H ₂ O ₂ (quy về nồng độ 50%)	tấn	11.014
3	Sản lượng tiêu thụ (quy về nồng độ 50%)	tấn	11.014
4	Doanh thu sản phẩm H ₂ O ₂	Tỷ đồng	93.567.200
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	616,980

2. Định hướng chiến lược dài hạn phát triển công ty

- Khai thác tốt dây chuyền sản xuất H₂O₂ hiện tại, nâng dần thị phần oxy già của Công ty tại thị trường miền Bắc, nâng tỷ trọng sản phẩm loãng trong cơ cấu sản phẩm.

- Triển khai kinh doanh đa ngành, tập trung khai thác các lợi thế hiện có của Công ty, trước mắt kinh doanh thêm sản phẩm NH₃ và nước NH₄OH.

- Triển khai dự án đầu tư xây dựng dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO₂ tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm thuộc dự án đầu tư: “dây chuyền sản xuất Hydrogen peroxide (H₂O₂) công suất 10.000 tấn/năm và dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO₂ tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm”

- Xây dựng và củng cố mạng lưới phân phối và tiêu thụ sản phẩm bảo đảm phát triển bền vững.

5807-
TY
IÂN
HÁT
PHÁT
ÁC
T.BẮC

- Tiếp tục nâng cao hiệu lực hiệu quả quản trị Công ty, nâng cao năng lực quản lý điều hành của các cán bộ nhân viên. Tổ chức lại hệ thống quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông trong nhiệm kỳ tiếp theo.

Chúng tôi hứa sẽ cùng Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cố gắng hết sức để hoàn thành các mục tiêu vì sự phát triển của Công ty và lợi ích của cổ đông./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Trương Xuân Hoàng





**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
BAN KIỂM SOÁT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông(ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2024 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024.

Năm 2024 Ban kiểm soát đã thực hiện vai trò giám sát các hoạt động kiểm soát, hoàn thành kế hoạch và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể tập trung vào các vấn đề chính sau:

1.1. Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật doanh nghiệp và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.2. Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT.

1.3. Ban kiểm soát cử người tham gia các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư xây dựng và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

1.4. Xem xét báo cáo tài chính, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như đánh giá ảnh hưởng các vấn đề trọng yếu được nêu trong báo cáo kiểm toán. Đồng thời, giám sát việc thực hiện các kiến nghị do cơ quan kiểm toán đưa ra, từ đó đề xuất kiến nghị các giải pháp phù hợp cho Ban điều hành.

1.5. Giám sát việc thực hiện các quy trình nội bộ. Có ý kiến đóng góp kịp thời để Công ty điều chỉnh và tuân thủ các nguyên tắc theo đúng quy định.

II. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024.

2.1- Căn cứ thẩm tra báo cáo tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2024 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Với các chỉ tiêu tài chính cơ bản Công ty đã thực hiện:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(đơn vị tính: triệu đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tăng(giảm)%
1	Doanh thu thuần	97.290	110.357	113%
2	Lợi nhuận trước thuế	6.861	(4.846)	(70,6%)

Doanh thu tăng là do mở rộng kinh doanh sang sản phẩm NH3.

Lợi nhuận giảm mạnh- không đạt được kế hoạch là do giá bán H2O2 giảm mạnh (giá H2O2 hoàn toàn phụ thuộc với giá nhập khẩu của thế giới)

2. Bảng cân đối kế toán (dạng rút gọn)

(đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2024	Số đầu kỳ 01/01/2024	Chênh lệch
(a)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
TÀI SẢN			
A. Tài sản ngắn hạn	28.462	27.983	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	11.827	7.726	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5.866	5.925	
IV. Hàng tồn kho	10.639	12.165	
V. Tài sản ngắn hạn khác	129	2.166	
B. Tài sản dài hạn	78.195	96.447	
I. Tài sản cố định	67.211	77.122	
II. Tài sản dài hạn khác	10.984	19.325	
Tổng cộng tài sản	106.657	124.430	
NGUỒN VỐN			
C. Nợ phải trả	10.577	23.353	

24/12/2024
 CHỖ
 HỮU
 CHỮ
 ĐƯỢC

I. Nợ ngắn hạn	10.577	23.353	
II. Nợ dài hạn			
D. Vốn chủ sở hữu	96.080	101.076	
I. Vốn góp của chủ sở hữu	84.000	84.000	
II. Quỹ đầu tư phát triển	9.385	9.385	
III. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.694	7.690	
Tổng cộng nguồn vốn	106.657	124.430	

2.2- Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2024

* Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2024 do Công ty TNHH Hằng kiểm toán AASC kiểm toán được lập phù hợp với các quy định hiện hành, đủ độ tin cậy.

III. Giám sát về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban và kiến nghị

3.1 Giám sát về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ, đúng Điều lệ của Công ty; thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông; tổ chức và duy trì các cuộc họp thường kỳ theo quy định của Điều lệ, trong các cuộc họp đều ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc Công ty thực hiện.

- Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nội dung, kết luận của Hội đồng quản trị. Thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, thực hiện nộp ngân sách Nhà nước; chăm lo đời sống, đảm bảo tiền lương, thu nhập ổn định cho người lao động.

- Các phòng ban nghiệp vụ của Công ty thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao và có sự phối hợp hoạt động tốt, tổ chức xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý, năm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty. Việc mở sổ sách kế toán, tổ chức ghi chép, hạch toán và lưu trữ chứng từ được Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty thực hiện đúng quy định.

3.2 Kiến nghị:

Bước sang năm 2025, Công ty rà soát và hoàn thiện các thủ tục pháp lý bắt buộc. Tập trung đẩy mạnh sản xuất, hoàn thiện hồ sơ đầu tư, xây dựng kế hoạch SXKD, đề ra các mục tiêu, giải pháp cụ thể nhằm đạt được các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội

39586
CÔNG TY
PHẦN
CHẤ
G PH
BẮC
T.B

đồng cổ đông đề ra. Phát huy năng lực của máy móc, thiết bị đã đầu tư, sửa chữa. Có chiến lược và cơ chế thích hợp để giữ vững và phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Định hướng phát triển tốt cho sản phẩm mới.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2025

Căn cứ định hướng về kế hoạch kinh doanh của Công ty, BKS xác định phương hướng hoạt động năm 2025 tập trung vào các nội dung sau:

- 4.1. Tăng cường nâng cao hoạt động giám sát tuân thủ đối với các nội dung yêu cầu của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ Công ty.
- 4.2. Cử người tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT để nắm bắt và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.
- 4.3. Tổ chức xem xét kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính năm 2024.
- 4.4. Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.
- 4.5. Thực hiện các công tác khác theo quy định.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của ban kiểm soát, kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT Cty;
- Giám Đốc CTy;
- Các TV BKS;
- Lưu BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thúy Nguyên



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 28
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 13 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ dân phố Hòa Yên, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Xuân Hoàng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Hòa	Thành viên
Ông Hà Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Tổng Luận	Thành viên
Ông Kiều Anh Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thế Hùng	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/07/2024)
Ông Nguyễn Tổng Luận	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/07/2024)
Ông Hà Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Nguyên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Thành viên
Bà Dương Thị Trang	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Thế Hùng - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thế Hùng

Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 03 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được lập ngày 03 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

AASC AUDITING FIRM



Nguyễn Thị Nhân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2959-2025-002-1



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		28.462.146.580	27.983.549.628
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.827.118.466	7.726.015.716
111	1. Tiền		4.827.118.466	7.726.015.716
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.866.468.042	5.925.194.035
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	4.709.703.700	4.102.686.340
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	763.983.611	1.534.297.327
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	392.780.731	288.210.368
140	IV. Hàng tồn kho	7	10.639.484.192	12.165.912.182
141	1. Hàng tồn kho		10.639.484.192	12.165.912.182
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		129.075.880	2.166.427.695
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		99.092.639	2.032.161.640
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	29.983.241	134.266.055
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		78.195.382.478	96.447.223.136
220	II. Tài sản cố định		67.211.146.101	77.122.182.476
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	67.211.146.101	77.122.182.476
222	- Nguyên giá		218.136.453.279	214.179.110.906
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(150.925.307.178)	(137.056.928.430)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	238.000.000	478.030.303
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		238.000.000	478.030.303
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.746.236.377	18.847.010.357
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	10.746.236.377	18.847.010.357
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		106.657.529.058	124.430.772.764

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.577.093.377	23.353.871.744
310	I. Nợ ngắn hạn		10.577.093.377	23.353.871.744
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	5.885.252.388	6.148.826.169
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	417.201.294	45.065.440
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.556.823	1.652.611.870
314	4. Phải trả người lao động		1.211.243.959	1.690.134.400
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	386.714.316	424.697.174
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.029.839.697	2.378.420.901
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	10.398.130.890
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		645.284.900	615.984.900
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		96.080.435.681	101.076.901.020
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	96.080.435.681	101.076.901.020
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		84.000.000.000	84.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		84.000.000.000	84.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		9.385.990.951	9.385.990.951
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.694.444.730	7.690.910.069
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.540.910.069	1.456.157.836
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(4.846.465.339)	6.234.752.233
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		106.657.529.058	124.430.772.764

Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Thân Thị Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hùng

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	110.357.604.231	99.303.182.264
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		110.357.604.231	99.303.182.264
11	4. Giá vốn hàng bán	19	104.820.636.597	80.845.283.379
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.536.967.634	18.457.898.885
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	19.261.246	996.001.943
22	7. Chi phí tài chính	21	307.451.060	11.110.332
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		249.395.621	11.110.332
25	8. Chi phí bán hàng	22	3.106.341.230	800.965.680
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.458.865.581	6.365.806.456
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.316.428.991)	12.276.018.360
31	11. Thu nhập khác	24	18.419.818	284.057.918
32	12. Chi phí khác	25	548.456.166	4.674.268.998
40	13. Lợi nhuận khác		(530.036.348)	(4.390.211.080)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.846.465.339)	7.885.807.280
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	1.651.055.047
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.846.465.339)	6.234.752.233
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(577)	742
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	(433)	557

Hương

Hà



Hùng

Đặng Thị Mai Hương
Người lập biểu

Thân Thị Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hùng
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 03 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(4.846.465.339)	7.885.807.280
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.136.683.702	13.356.157.018
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		57.279.123	(1.134.183.761)
06	- Chi phí lãi vay		249.395.621	11.110.332
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.596.893.107	20.118.890.869
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.103.477.808	(5.160.142.558)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.526.427.990	(6.122.347.613)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.525.690.013)	(7.549.373.008)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		8.100.773.980	(14.037.121.466)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(260.505.953)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.651.055.047)	(2.352.465.741)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(120.700.000)	(599.439.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.769.621.872	(15.701.998.517)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.196.549.449)	(6.741.555.409)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		18.181.818	138.181.818
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	18.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.075.699	1.156.530.710
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.174.291.932)	12.553.157.119

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		11.278.151.090	10.398.130.890
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(21.676.281.980)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(96.096.300)	(4.371.292.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.494.227.190)	6.026.838.890
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.101.102.750	2.877.997.492
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.726.015.716	4.848.018.224
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	11.827.118.466	7.726.015.716

Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Thân Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Hùng

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 13 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ dân phố Hòa Yên, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 84.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 84.000.000.000 VND; tương đương 8.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 59 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 58 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và buôn bán hóa chất H₂O₂.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, do ảnh hưởng của yếu tố thị trường (giá bán các sản phẩm H₂O₂) giảm mạnh, dẫn tới tỉ lệ lợi nhuận gộp của Công ty năm 2024 chỉ đạt 5,02% (năm 2023 đạt 18,59%). Kết quả kinh doanh năm 2024 giảm và lỗ 4,84 tỷ VND.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 năm

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 36 tháng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phản quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh hóa chất H₂O₂ và chỉ phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	407.937.507	497.539.678
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.419.180.959	7.228.476.038
- Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	-
	11.827.118.466	7.726.015.716

Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 7.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,7%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	291.456.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Khí công nghiệp Việt Anh	291.456.000	-	-	-
Bên khác	4.418.247.700	-	4.102.686.340	-
- Công ty TNHH Công nghệ Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	54.536.760	-	160.671.600	-
- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	481.229.100	-	369.082.560	-
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Long Biên	131.064.800	-	981.714.600	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất và Môi trường An Phú	235.805.340	-	484.347.360	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường - Chi nhánh Hưng Yên	-	-	638.310.520	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hóa Cảnh	-	-	522.152.460	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất và Thiết bị Kim Nguu	579.823.360	-	916.720.200	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Tân Thành	2.127.592.980	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	808.195.360	-	29.687.040	-
	4.709.703.700	-	4.102.686.340	-

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	763.983.611	-	1.534.297.327	-
- Công ty Cổ phần Ô tô Vũ Linh	-	-	1.222.000.000	-
- Công ty Điện lực Bắc Giang - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	1.299.801	-	71.489.077	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	99.000.000	-	-	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần EJC tại Bắc Giang	295.000.000	-	45.045.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường 3RC	239.889.600	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	128.794.210	-	195.763.250	-
	763.983.611	-	1.534.297.327	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi	7.400.000	-	-	-
- Tạm ứng	135.000.000	-	205.526.570	-
- Ký cược, ký quỹ	1.500.000	-	1.500.000	-
- Phải thu khác	248.880.731	-	81.183.798	-
	392.780.731	-	288.210.368	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	5.106.404.022	-	5.872.011.272	-
- Công cụ, dụng cụ	4.917.043.823	-	2.640.880.123	-
- Thành phẩm	417.233.817	-	3.561.802.702	-
- Hàng hoá	198.802.530	-	91.218.085	-
	10.639.484.192	-	12.165.912.182	-

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án "Chứa, sản xuất NH ₃ và sản xuất NH ₄ OH"	150.000.000	-
- Dự án "Dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO ₂ tinh khiết" (*)	88.000.000	-
- Trạm đóng nạp H ₂ O ₂	-	478.030.303
	238.000.000	478.030.303

(*) Dự án "Dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO₂ tinh khiết" (*)

- Tên dự án: Dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO₂ tinh khiết, công suất 45.000 tấn/năm.
- Địa điểm xây dựng: Xây dựng trên khu đất dự phòng phát triển sản xuất phía Nam Công ty.
- Quy mô của dự án: Đầu tư mới, đồng bộ dây chuyền sản xuất CO₂ tinh khiết, có công suất 45.000 tấn/năm.
- Tổng mức đầu tư: 104,75 tỷ VND.
- Thời gian thực hiện dự án: 12 tháng, kể từ khi ký được hợp đồng cung cấp thiết bị và thi công lắp đặt.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2024: Đang trong quá trình xin cấp giấy phép điều chỉnh dự án từ các cơ quan có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Tổ dân phố Hòa Yên, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.201.605.608	186.340.514.388	1.435.181.819	201.809.091	214.179.110.906
- Mua trong năm	997.343.442	-	2.837.210.222	-	3.834.553.664
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	478.030.303	-	-	-	478.030.303
- Thanh lý, nhượng bán	-	(355.241.594)	-	-	(355.241.594)
Số dư cuối năm	27.676.979.353	185.985.272.794	4.272.392.041	201.809.091	218.136.453.279
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.225.525.734	125.456.559.518	173.034.087	201.809.091	137.056.928.430
- Khấu hao trong năm	1.045.551.505	12.585.999.825	505.132.372	-	14.136.683.702
- Thanh lý, nhượng bán	-	(268.304.954)	-	-	(268.304.954)
Số dư cuối năm	12.271.077.239	137.774.254.389	678.166.459	201.809.091	150.925.307.178
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	14.976.079.874	60.883.954.870	1.262.147.732	-	77.122.182.476
Tại ngày cuối năm	15.405.902.114	48.211.018.405	3.594.225.582	-	67.211.146.101

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 440.137.008 VND.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	10.281.673.889	18.847.010.357
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	464.562.488	-
	10.746.236.377	18.847.010.357

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Bên liên quan	-	-	970.777.600	970.777.600
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà	-	-	970.777.600	970.777.600
Bên khác	5.885.252.388	5.885.252.388	5.178.048.569	5.178.048.569
- Công ty TNHH Hanwha Power Systems Việt Nam	-	-	605.004.620	605.004.620
- Công ty TNHH An Thành	350.460.000	350.460.000	379.080.000	379.080.000
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	5.450.582.788	5.450.582.788	3.443.799.330	3.443.799.330
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng 266	-	-	345.995.785	345.995.785
- Phải trả các đối tượng khác	84.209.600	84.209.600	404.168.834	404.168.834
	5.885.252.388	5.885.252.388	6.148.826.169	6.148.826.169

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- NINHBO INTERTRADE IMPORT-EXPORT SOLE CO., LTD	374.675.198	-
- Người mua trả tiền trước khác	42.526.096	45.065.440
	417.201.294	45.065.440

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	29.983.241	-	188.238.365	188.238.365	29.983.241	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.652.611.870	-	1.651.055.047	-	1.556.823
Thuế thu nhập cá nhân	51.731.738	-	180.504.054	128.772.316	-	-
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	52.551.076	-	67.295.530	14.744.454	-	-
Các loại thuế khác	-	-	62.988.000	62.988.000	-	-
	134.266.055	1.652.611.870	499.025.949	2.045.798.182	29.983.241	1.556.823

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	11.110.332
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	386.714.316	413.586.842
	386.714.316	424.697.174

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	100.177.780	50.309.760
- Bảo hiểm xã hội	148.706	148.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.179.178.940	1.275.275.240
- Quỹ khen thưởng Ban Giám đốc và các quỹ công đoàn	61.653.976	61.653.976
- Quỹ thưởng Ban điều hành	478.227.101	478.227.101
- Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	103.475.706	40.575.706
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	106.977.488	472.230.412
	2.029.839.697	2.378.420.901

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	9.385.990.951	7.146.157.836	100.532.148.787
Lãi trong năm trước	-	-	6.234.752.233	6.234.752.233
Phân phối lợi nhuận	-	-	(5.690.000.000)	(5.690.000.000)
Số dư cuối năm trước	84.000.000.000	9.385.990.951	7.690.910.069	101.076.901.020
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	9.385.990.951	7.690.910.069	101.076.901.020
Lỗ trong năm nay	-	-	(4.846.465.339)	(4.846.465.339)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi theo NQ ĐHĐCĐ	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư cuối năm nay	84.000.000.000	9.385.990.951	2.694.444.730	96.080.435.681

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 số 110/NQĐHĐCĐ-HPCO ngày 26/04/2024, Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 202/NQĐHĐCĐ-HPCO ngày 11/08/2024, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 246/NQHĐQT-HPCO ngày 07/10/2024, Hội đồng quản trị Công ty thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, chi tiết như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 2.800.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu tương ứng với giá trị chào bán dự kiến là 28.000.000.000 VND.

- Phương thức chào bán: chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng bằng phương thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

- Đối tượng được phân phối: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ý và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp.

- Tỷ lệ chào bán: 1:3 (là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm/số lượng cổ phiếu đang lưu hành).

- Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, dự kiến Quý 4/2024 - Quý 1/2025.

- Mục đích chào bán: Bổ sung nguồn vốn cho Dự án đầu tư "Dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide (H₂O₂), công suất 10.000 tấn/năm và Dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO₂ tinh khiết, công suất 45.000 tấn/năm".

- Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty đang làm thủ tục đề xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Trương Thị Lan Anh	46.000.000.000	54,76	46.000.000.000	54,76
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	5.600.000.000	6,67	5.600.000.000	6,67
Ông Phạm Huy Hiệu	4.230.000.000	5,04	4.230.000.000	5,04
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	4.000.000.000	4,76	4.000.000.000	4,76
Bà Nguyễn Thị Hương	4.998.000.000	5,95	4.998.000.000	5,95
Ông Đào Xuân Thạch	5.000.000.000	5,95	5.000.000.000	5,95
Các cổ đông khác	14.172.000.000	16,87	14.172.000.000	16,87
	84.000.000.000	100	84.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	84.000.000.000	84.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	84.000.000.000	84.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.275.275.240	606.567.240
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	5.040.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	5.040.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(96.096.300)	(4.371.292.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(96.096.300)	(4.371.292.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.179.178.940	1.275.275.240

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	9.385.990.951	9.385.990.951
	9.385.990.951	9.385.990.951

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2010 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 14.623,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- USD	636,05	5.984,51

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	16.787.351.437	943.867.458
Doanh thu bán thành phẩm	93.570.252.794	98.359.314.806
	110.357.604.231	99.303.182.264
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	10.964.106.800	-

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.061.586.255	991.796.957
Giá vốn của thành phẩm đã bán	89.759.050.342	79.853.486.422
	104.820.636.597	80.845.283.379
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	138.471.000	883.220.000

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	11.475.699	996.001.943
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.785.547	-
	19.261.246	996.001.943

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	249.395.621	11.110.332
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	58.055.439	-
	307.451.060	11.110.332

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	257.450.560	85.650.000
Chi phí khác bằng tiền	2.848.890.670	715.315.680
	3.106.341.230	800.965.680

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.278.429	225.335.920
Chi phí nhân công	3.064.625.497	3.184.764.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	339.430.992	279.156.745
Thuế, phí, lệ phí	83.832.997	124.935.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	420.530.903	490.850.277
Chi phí khác bằng tiền	2.493.166.763	2.060.763.447
	6.458.865.581	6.365.806.456

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	18.181.818	138.181.818
Tiền phạt thu được	-	92.800.000
Thu nhập khác	238.000	53.076.100
	18.419.818	284.057.918

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	86.936.640	-
Nộp lại lợi nhuận theo Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính	-	4.484.126.043
Các khoản bị phạt	-	50.000.000
Chi phí khác	461.519.526	140.142.955
	548.456.166	4.674.268.998

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(4.846.465.339)	7.885.807.280
Các khoản điều chỉnh tăng	711.802.500	369.467.955
- Chi phí không hợp lệ	544.502.500	190.142.955
- Thu lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	167.300.000	179.325.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	(4.134.662.839)	8.255.275.235
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	1.651.055.047
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.652.611.870	2.354.022.564
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.651.055.047)	(2.352.465.741)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	1.556.823	1.652.611.870

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(4.846.465.339)	6.234.752.233
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(4.846.465.339)	6.234.752.233
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(577)	742

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(4.846.465.339)	6.234.752.233
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(4.846.465.339)	6.234.752.233
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	2.800.000	2.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(433)	557

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.177.237.641	61.842.389.757
Chi phí nhân công	9.552.767.950	9.796.529.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.136.683.702	13.356.157.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.267.258.545	490.850.277
Chi phí khác bằng tiền	6.045.740.430	3.882.853.350
	96.179.688.268	89.368.779.622

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.915.092.085	-	-	7.915.092.085
Chi phí phải trả	386.714.316	-	-	386.714.316
	8.301.806.401	-	-	8.301.806.401
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	10.398.130.890	-	-	10.398.130.890
Phải trả người bán, phải trả khác	8.527.247.070	-	-	8.527.247.070
Chi phí phải trả	424.697.174	-	-	424.697.174
	19.350.075.134	-	-	19.350.075.134

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà	Cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Thương mại Khí công nghiệp Việt Anh	Vợ ông Trương Xuân Hoàng - Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch Công ty

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc,
Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, dịch vụ	10.964.106.800	-
- Công ty TNHH Thương mại Khí công nghiệp Việt Anh	10.964.106.800	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	138.471.000	883.220.000
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà	85.095.000	883.220.000
- Công ty TNHH Thương mại Khí công nghiệp Việt Anh	53.376.000	-

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		1.517.344.096	1.485.702.001
- Ông Trương Xuân Hoàng	Chủ tịch HĐQT	94.000.000	94.000.000
- Ông Nguyễn Minh Hòa	Thành viên HĐQT	54.400.000	54.400.000
- Ông Hà Văn Hùng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	290.201.004	191.489.266
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Nguyên Thành viên HĐQT	-	20.875.000
- Ông Kiều Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	54.400.000	35.525.000
- Ông Nguyễn Tổng Luận	Thành viên HĐQT/ Nguyên Tổng Giám đốc	255.087.166	378.148.540
- Ông Nguyễn Thế Hùng	Tổng Giám đốc	349.145.953	306.985.961
- Bà Nguyễn Thúy Nguyên	Trưởng BKS	54.400.000	54.400.000
- Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Thành viên BKS	42.400.000	42.400.000
- Bà Dương Thị Trang	Thành viên BKS	42.400.000	27.275.000
- Ông Bùi Anh Tuấn	Nguyên Thành viên BKS	-	17.125.000
- Bà Thân Thị Hà	Kế toán trưởng	280.909.972	263.078.234

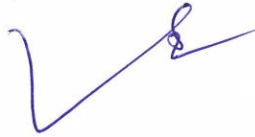
Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Đặng Thị Mai Hương
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 03 tháng 03 năm 2025


Thân Thị Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Hùng
Tổng Giám đốc

